

Số: /HD-SCT

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2022

### HƯỚNG DẪN

**Thực hiện và xét công nhận tiêu chí số 4 về Điện**  
**Theo Bộ tiêu chí “Huyện, thành phố đạt nông thôn mới về điện”,**  
**“Huyện, thành phố đạt nông thôn mới nâng cao về điện”; Bộ tiêu chí về**  
**“Xã đạt nông thôn mới về điện”, “Xã đạt nông thôn mới nâng cao về điện”;**  
**Bộ tiêu chí “Bản đạt nông thôn mới về điện”, “Bản đạt nông thôn mới kiểu**  
**mẫu về điện” trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phân công nhiệm vụ phụ trách triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí về điện trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí số 4 về Điện trong bộ tiêu chí Quốc gia về “Huyện, thành phố đạt nông thôn mới về điện”, “Huyện, thành phố đạt nông thôn mới nâng cao về điện”; Bộ tiêu chí về “Xã đạt nông thôn mới về điện”, “Xã đạt nông thôn mới nâng cao về điện”; Bộ tiêu chí “Bản đạt nông thôn mới về điện”, “Bản đạt nông thôn mới kiểu mẫu về điện” trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 như sau:

## I. PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**1) Phạm vi:** Các xã, huyện, thành phố thuộc tỉnh có các công trình lưới điện (*đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo, đảm bảo mỹ quan, an toàn tin cậy và ổn định*) theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### 2) Đối tượng áp dụng:

Các xã, huyện, thành phố thuộc tỉnh được xét công nhận xã, huyện, thành phố đạt tiêu chí về điện trong việc xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

## II. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 1. Phương pháp chung

- Phương pháp chung: Nhận dạng, cập nhật tài liệu pháp lý, tài liệu thống kê để đánh giá. Không tổ chức thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình và những công việc thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành;

- Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới được quy định chi tiết trong Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

**2. Đánh giá hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (tại Tiêu chí 4.1):** Chi tiết trong Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

### 3. Đánh giá việc sử dụng điện thường xuyên (tại Tiêu chí 4.2)

a) Đối với khu vực sử dụng nguồn từ lưới điện quốc gia: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình;

b) Đối với khu vực sử dụng nguồn từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình. Số giờ cấp điện trong ngày đảm bảo lớn hơn 12 giờ/ngày đối với khu vực đất liền và lớn hơn 08 giờ/ngày đối với khu vực hải đảo;

## III. TIÊU CHÍ SỐ 4 ÁP DỤNG CHO HUYỆN, THÀNH PHỐ

### 1. Tiêu chí huyện, thành phố đạt nông thôn mới về điện

#### 1.1. Tiêu chí đánh giá

a) Huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới về điện: Có các xã trong huyện, thành phố **phải đạt** Tiêu chí về Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

b) Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã, phù hợp với quy hoạch theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành an toàn của cả hệ thống.

## **1.2. Phương pháp đánh giá**

a) Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện như sau:

- Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này;

- Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ v.v) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối;

b) Hệ thống điện đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo đủ nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021 - 2025;

c) 100% xã trong huyện “đạt” Tiêu chí số 4 về Điện tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

## **2. Tiêu chí huyện, thành phố đạt nông thôn mới nâng cao về điện**

### **2.1. Tiêu chí đánh giá.**

a. Huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Huyện, thành phố đạt Tiêu chí về điện đối với huyện nông thôn mới về điện và ít nhất 50% các xã, phường trong huyện, thành phố đạt Tiêu chí về điện đối với xã nông thôn mới nâng cao về điện trong xây dựng nông thôn mới.

b. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan.

### **2.2. Phương pháp đánh giá.**

a) Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện như sau:

- Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này;

- Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối;

b) Hệ thống điện đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo đủ nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021 - 2025;

c) 100% xã trong huyện “đạt” Tiêu chí số 4 về Điện tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

## **IV. TIÊU CHÍ SỐ 4 VỀ ĐIỆN ÁP DỤNG CHO CẤP XÃ**

### **1. Xã đạt nông thôn mới về điện**

#### **1.1. Tiêu chí xã đạt nông thôn mới về điện**

Xã đạt chuẩn nông thôn mới về điện phải đạt Tiêu chí số 4 về Điện như sau:

a) Tiêu chí 4.1: Có hệ thống điện (bao gồm các nguồn điện từ lưới điện quốc gia hoặc ngoài lưới điện quốc gia; hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện;

(Đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP; Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối; Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về xiệc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối; Thông tư 39/2020/TT/BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện; Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp trước đây về ban hành Quy định kỹ thuật điện nông thôn; Quy phạm trang bị điện: Từ 11 TCL-19-2006 đến 11 TCL-21-2006).

b) Tiêu chí 4.2: Đạt tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

#### **1.2. Phương pháp đánh giá**

##### **a) Phương pháp chung**

Phương pháp chung: Nhận dạng, cập nhật tài liệu pháp lý, tài liệu thống kê để đánh giá. Không tổ chức thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình và những công việc thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành;

Phương pháp đánh giá: Đánh giá theo nhận dạng, mức xác nhận kết quả của từng nội dung theo các mục thực hiện Tiêu chí số 4 về Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới được quy định chi tiết trong Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

##### **b) Đánh giá hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật, an toàn**

Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật, an toàn của ngành điện quy định tại Mục I: Tiêu chí 4.1 trong Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

##### **c) Đánh giá việc sử dụng điện thường xuyên**

- Đối với khu vực sử dụng nguồn từ lưới điện quốc gia: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình;

- Đối với khu vực sử dụng nguồn từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập: Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình. Số giờ cấp điện trong ngày đảm bảo lớn hơn 12 giờ/ngày đối với khu vực đất liền và lớn hơn 08 giờ/ngày đối với khu vực hải đảo;

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên quy định tại Mục II: Tiêu chí 4.2 trong Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

## **2. Xã đạt nông thôn mới nâng cao về điện**

### **2.1. Tiêu chí xã đạt nông thôn mới nâng cao về điện**

a. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về điện phải đạt Tiêu chí về điện đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới.

b. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: Vùng trung du và miền núi phía bắc, Tây nguyên đạt  $\geq 98\%$ .

### **2.2. Phương pháp đánh giá**

a) Yêu cầu kỹ thuật cơ bản hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định ( Tiêu chí 4.1)

b) Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt: đạt 100% (Đối với khu vực sử dụng nguồn lưới điện quốc gia và khu vực sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập).

## **V. TIÊU CHÍ SỐ 4 VỀ ĐIỆN ÁP DỤNG CHO CẤP BẢN**

### **1. Nội dung tiêu chí**

- Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn điện cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng gia đình.

### **2. Đánh giá thực hiện tiêu chí**

**2.1. Tiêu chí đánh giá “Bản nông thôn mới”** đối với các bản khu vực I, II và khu vực III thuộc các xã chưa được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2021 và giai đoạn 2022 – 2025 đảm bảo yêu cầu sau:

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo Tiêu chí 4.1 kèm theo Phụ lục Hướng dẫn này.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, trong đó: Đối với bản khu vực I, II đảm bảo đạt  $\geq 95\%$ ; Đối với bản khu vực III đảm bảo đạt  $\geq 85\%$  theo tiêu chí 4.2 (phụ lục đính kèm)

**2.2. Tiêu chí đánh giá “Bản nông thôn mới kiểu mẫu”** đối với các bản, tiểu khu thuộc xã đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2021 và giai đoạn 2022 - 2025 đảm bảo yêu cầu sau:

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo Tiêu chí 4.1 theo Phụ lục Hướng dẫn này

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện đảm bảo đạt 100% theo tiêu chí 4.2 phụ lục đính kèm. (Các thiết bị điện tiết kiệm điện bao gồm: Bóng điện, ti vi, tủ lạnh, máy lọc nước, điều hòa...được Bộ Công Thương đánh giá là 5 sao (INVERTER) theo Tiêu chuẩn Việt Nam)

Trên đây là Hướng dẫn của Sở Công Thương thực hiện và xét công nhận tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong Bộ tiêu chí Quốc gia về “Huyện, thành phố đạt nông thôn mới về điện”, “Huyện, thành phố đạt nông thôn mới nâng cao về điện”; Bộ tiêu chí về “Xã đạt nông thôn mới về điện”, “Xã đạt nông thôn mới nâng cao về điện”; Bộ tiêu chí “Bản đạt nông thôn mới về điện”, “Bản đạt nông thôn mới kiểu mẫu về điện” trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND các xã nghiên cứu, triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các đơn vị báo cáo về Sở Công Thương Sơn La để xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số **1661/HD-SCT ngày 04/10/2022** của Sở Công Thương đã ban hành./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, QLNL (Truyền).

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thị Doan**

## PHỤ LỤC

### Phương pháp đánh giá kết quả hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn thông qua phương pháp nhận dạng giai đoạn 2021 – 2025

(kèm theo Hướng dẫn số /HD-SCT ngày 28 /11/2022 của Sở Công Thương)

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định (Tiêu chí 4.1)				Đạt	
1	Đường dây trung áp				Đạt	
1.1	Hồ sơ pháp lý				đạt	
1.1.1	Thủ tục, hồ sơ.	Dự án /công trình/hạng mục đầu tư	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt.	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đủ pháp lý.
1.1.2		Hồ sơ thiết kế.			Đạt	
1.1.3		Hồ sơ nghiệm thu.			Đạt	
1.2	An toàn điện				đạt	
1.2.1			Với đường dây không điện áp đến 35kV nếu sử dụng dây trần: Khi xây dựng, cải tạo đoạn đường dây điện cao áp trên không vượt qua nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong; nơi thường xuyên tập trung đông người; công trình quan trọng liên quan đến an ninh; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng phải tăng cường các biện pháp an toàn điện (từ	$\geq 14$ m	Đạt	
1.2.2			Xây dựng trong trường hợp đặc biệt với đường dây không điện áp đến 35kV nếu sử	$\geq 11$ m	Đạt	

		dụng dây bọc						
1.2.3	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện.	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất từ điểm thấp nhất của dây dẫn ở trạng thái võng lớn nhất đến mặt đất trong các chế độ làm việc bình thường của đường dây.	Đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư.	$\geq 7$ m	Đạt			
1.2.4			Đến mặt đất tự nhiên khu vực ít dân cư.	$\geq 5,5$ m	Đạt			
1.2.5			Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến.	$\geq 4,5$ m	Đạt			
1.2.6			Đến mặt đường ô tô.	$\geq 7$ m	Đạt			
1.2.7			Đến mặt ray đường sắt.	$\geq 7,5$ m	Đạt			
1.2.8			Đến mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại.	tính không +1,5 m	Đạt			
1.2.9			Đến bãi sông và nơi ngập nước không có thuyền bè qua lại.	$\geq 5,5$ m	Đạt			
1.2.10			Đến mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được.	$\geq 2,5$ m	Đạt			
1.2.11			Từ đường điện áp 22kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn.	$\geq 2$ m	Đạt			
1.2.12			Từ đường điện áp 35kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn.	$\geq 3$ m	Đạt			
1.2.13			Đến đường dây thông tin.	$\geq 3$ m	Đạt			
1.2.14			Đến mặt đê, đập.	$\geq 6$ m	Đạt			
1.2.15			Chiều rộng hành lang giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng.	Khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh.	Dây bọc 22kV	$\geq 1$ m	Đạt	Không có cây cối có thể đổ hoặc xô cành vào dây dẫn điện.
1.2.16					Dây bọc 35kV	$\geq 1,5$ m	Đạt	
1.2.17	Dây trần 22kV	$\geq 2$ m			Đạt			
1.2.18	Dây trần 35kV	$\geq 3$ m			Đạt			
1.2.19	Cáp ngầm	Cáp ngầm: Đường cáp điện đi trên mặt đất	$\geq 0,5$ m	Đạt				

			hoặc trên không, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp ngầm được giới hạn về các phía tính từ mặt ngoài của sự cáp ngoài cùng trở ra			
1.2.20		Biển báo an toàn.	Có Biển báo cấm; Biển báo nguy hiểm, cảnh báo; Biển chỉ dẫn; Biển báo an toàn.	100%	Đạt	
1.2.21		An toàn cho người và vật nuôi.	Dây nối đất: dây nối từ xà, dây néo hoặc dây trung tính đến cọc tiếp địa.	Không bị di sắt hoặc đứt, có nối vào cọc tiếp đất.	Đạt	
<b>1.3</b>	<b>Cung cấp điện</b>				<b>Đạt</b>	
1.3.1	Nguồn điện cung cấp.	Đảm bảo về nguồn cấp.	Dòng điện làm việc lớn nhất dây dẫn.	Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
1.3.2		Đảm bảo điện áp.	Điện áp phía thứ cấp.	không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
<b>1.4</b>	<b>Kết cấu chịu lực</b>				<b>Đạt</b>	
1.4.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực.	Cột bê tông.	Xác định mức độ vỡ, nứt bê tông	Không để hở cốt thép bên trong.	Đạt	
1.4.2			Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiều xuống từ ngọn cột.	Không nghiêng quá 1/150 xH.	Đạt	H: Chiều cao cột
1.4.3		Cột thép.	Xác định các thanh thép và bu lông.	Đủ các thanh thép không bị cong; sơn hoặc mạ chống di không bị bong.	Đạt	
1.4.4			Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiều xuống từ ngọn cột.	Không nghiêng quá 1/200 xH	Đạt	H: Chiều cao cột
1.4.5		Kết cấu hỗ trợ chịu	Dây néo thép, thanh chống.	Có bảo vệ chống di	Đạt	

		lực.		theo quy định		
1.4.6			Móng néo.	Được bảo vệ chống xói lở.	Đạt	
1.4.7		Móng cột.	Móng bê tông, trụ ...	Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt	
1.4.8		Xà giá đỡ	Xà đỡ, néo dây điện.	Được bảo vệ chống dẽ, không bị vụn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt	
1.4.9	Giá đỡ và kết cấu khác.		Được bảo vệ chống dẽ, không bị vụn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt		
<b>1.5</b>	<b>Vận hành</b>				<b>Đạt</b>	
1.5.1	Nhận dạng về quy trình vận hành.	Các quy trình vận hành.	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành.	Có quy trình đầy đủ.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>Đạt/không đạt.</b>
1.5.2			Quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố.	Có quy trình đầy đủ.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>Đạt/không đạt.</b>
<b>2</b>	<b>Trạm biến áp phân phối</b>				<b>Đạt</b>	
<b>2.1</b>	<b>Hồ sơ pháp lý</b>				<b>Đạt</b>	
2.1.1	Thủ tục, hồ sơ.	Dự án đầu tư.	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt.	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đảm bảo pháp lý.
2.1.2		Hồ sơ thiết kế.			Đạt	
2.1.3		Hồ sơ nghiệm thu.			Đạt	
<b>2.2</b>	<b>An toàn điện</b>				<b>Đạt</b>	

2.2.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện.	Khoảng cách giữa phần mang điện với các bộ phận, công trình xung quanh.	Đến 22 kV	$\geq 2,0$ m	Đạt	Không có cây cối có thể đổ hoặc xô cành vào các kết cấu công trình trạm biến áp
2.2.2			Đến 35 kV	$\geq 3,0$ m	Đạt	
2.2.3		Nối đất	Dây nối đất an toàn, nối đất làm việc và nối đất chống sét.	Có đủ các điểm nối đất, dây nối đất không bị di hoặc bị đứt.	Đạt	
2.2.4		Biển báo an toàn.	Biển báo cấm; Biển báo nguy hiểm, cảnh báo; Biển chỉ dẫn; Biển báo yêu cầu có kích thước theo quy định.	100%	Đạt	
<b>2.3</b>	<b>Cung cấp điện</b>				<b>Đạt</b>	
2.3.1	Nguồn điện cung cấp.	Đảm bảo về nguồn cấp.	Dung lượng vận hành trạm theo nhu cầu sử dụng điện.	$\leq$ công suất định mức máy biến áp.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
2.3.2		Đảm bảo về chất lượng điện.	Điện áp phía hạ áp tại đầu ra.	Không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt</b>
<b>2.4</b>	<b>Vận hành</b>				<b>đạt</b>	
2.4.1	Nhận dạng về quy trình vận hành.	Mua bán điện.	Tỷ lệ số công tơ đo đếm điện năng khách hàng còn trong thời gian kiểm định, còn nguyên kẹp chì.	100%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
2.4.2			Có đồng hồ kiểm tra các thông số vận hành (V;A; TU;TI) trạm đảm bảo các thông số kỹ thuật đang vận hành.	100%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
2.4.3		Thao tác, vận hành	Thiết bị đóng cắt được kiểm tra đủ tiêu chuẩn đóng cắt trước khi thao tác.	Có hồ sơ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
2.4.4			Thiết bị bảo vệ được kiểm tra, bảo trì theo quy định hiện hành.	Có hồ sơ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả

						để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
<b>2.5</b>	<b>Kết cấu chịu lực, bảo vệ</b>				<b>đạt</b>	
2.5.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực.	Cột điện.	Cột bê tông.	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong.	Đạt	
2.5.2			Cột thép	Không nghiêng, các thanh thép đầy đủ, được bảo vệ chống rỉ sét.	Đạt	
2.5.3		Móng cột.	Móng bê tông, trụ.	Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt	
2.5.4		Giá đỡ thiết bị.	Xà đỡ, dây néo cột điện.	Được bảo vệ chống rỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt	
2.5.5			Giá đỡ và kết cấu khác.	Được bảo vệ chống rỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
2.5.6		Cổng, hàng rào bảo vệ trạm (nếu có).	Hàng rào.	Móng bờ rào không bị xói mòn, tường rào không bị bong vữa, thùng lỗ, nứt mạch vữa.	Đạt	
2.5.7			Cổng ra vào.	Có cửa, khóa, ngăn được người và vật nuôi, không bị cong vênh, vật liệu bằng thép không bị rỉ sét.	Đạt	
<b>3</b>	<b>Đường dây hạ áp</b>				<b>Đạt</b>	

<b>3.1</b>	<b>Hồ sơ pháp lý</b>					
3.1.1	Thủ tục, hồ sơ	Dự án đầu tư	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đảm bảo pháp lý..
3.1.2		Hồ sơ thiết kế			Đạt	
3.1.3		Hồ sơ nghiệm thu			Đạt	
<b>3.2</b>	<b>An toàn điện</b>				<b>đạt</b>	
3.2.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện.	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất từ dây dẫn đến mặt đất tự nhiên và công trình trong các chế độ làm việc bình thường của đường dây.	Đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư.	$\geq 5,5$ m	Đạt	
3.2.2			Đến mặt đất tự nhiên khu vực ít dân cư.	$\geq 5$ m	Đạt	
3.2.3			Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến.	$\geq 4$ m	Đạt	
3.2.4			Đến mặt đường ô tô cấp I, II.	$\geq 7$ m	Đạt	
3.2.5			Đến mặt đường ô tô các cấp còn lại.	$\geq 6$ m	Đạt	
3.2.6			Đến mặt ray đường sắt.	$\geq 8$ m	Đạt	
3.2.7			Đến mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại.	tính không +1,5 m	Đạt	
3.2.8			Đến bãi sông và nơi ngập nước không có thuyền bè qua lại.	$\geq 5,5$ m	Đạt	
3.2.9			Đến mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được.	$\geq 2,5$ m	Đạt	
3.2.10			Đến đường dây thông tin.	$\geq 1,25$ m	Đạt	
3.2.11			Đến mặt đê, đập.	$\geq 6$ m	Đạt	
3.2.12		Nối đất.	Nối đất lặp lại cho dây trung tính, nối đất vô thiết bị.	không bị đứt hay di sét.	Đạt	
3.2.13			Điện trở nối đất đối với các đường dây đi qua khu vực có nhiều nhà cao tầng, cây cối cao	$< 50\Omega$	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả

			che chắn, khó có thể bị sét đánh trực tiếp.			để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
3.2.14			Điện trở nối đất đối với các đường dây đi qua khu vực trống trải không có nhà cửa, công trình, cây cối che chắn, đường dây dễ bị sét đánh trực tiếp.	< 30Ω	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
3.2.15		Biển báo an toàn.	Có biển báo cấm; biển báo nguy hiểm, cảnh báo; biển chỉ dẫn; biển báo yêu cầu có kích thước theo quy định.	100%	Đạt		
<b>3.3</b>	<b>Chất lượng điện năng</b>					<b>đạt</b>	
3.3.1	Thông tin, số liệu nhận dạng chất lượng điện năng sử dụng.	Điện áp	Trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện hoặc tại vị trí khác do hai bên thỏa thuận.	trong khoảng ± 5%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
3.3.2			Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép.	từ +5% đến -10%;	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
3.3.3		Tần số	Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép so với tần số danh định là 50Hz.	trong phạm vi ± 0,2Hz	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
3.3.4			Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố đơn lẻ, độ lệch tần số cho phép so với tần số danh định là 50Hz.	trong phạm vi ± 0,5Hz	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>	
<b>3.4</b>	<b>Dây dẫn điện</b>					<b>đạt</b>	
3.4.1	Nhận dạng về chủng loại, thông tin số liệu dây dẫn hạ	Kiểu đi dây.	Đảm bảo an toàn điện.	Lắp trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, không mắc dây dẫn điện trên cây xanh, gá trên mái nhà.	Đạt		
3.4.2		Kết nối dây.	- Mỗi nối phải được nối bằng ống nối ép chặt	số lượng gíp kẹp ≥ 2	Đạt		

	áp.		hoặc bắt siết ốc chắc chắn.	bộ.		
3.4.3		An toàn dẫn điện.	Dòng điện làm việc lớn nhất dây dẫn.	Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
3.4.4		An toàn cách điện.	Dây trần.	Có sứ cách điện trên cột	Đạt	
3.4.5	Dây bọc.		Dây không nứt, rách, có sứ cách điện trên cột	Đạt		
3.4.6	Dây cáp dẫn điện.		Được chôn dưới đất hoặc treo có cáp thép chịu lực.	Đạt		
3.4.7	An toàn về cơ học.		Dây trần và dây bọc.	Dây không bị bong đứt sợi cáp bên.	Đạt	
<b>3.5</b>	<b>Kết cấu chịu lực</b>				<b>đạt</b>	
3.5.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực.	Cột điện.	Cột bê tông.	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong.	Đạt	
3.5.2			Cột thép.	Không nghiêng, các thanh thép đầy đủ, được bảo vệ chống rỉ sét.	Đạt	
3.5.3			Cột gỗ, tre trên nhánh rẽ về hộ gia đình.	Cao tối thiểu 5m, đường kính ngọn tối thiểu 80mm, được xử lý chống mối mọt.	Đạt	
3.5.4		Kết cấu hỗ trợ chịu lực.	Dây néo thép, thanh chống.	Có bảo vệ, chống rỉ sét.	Đạt	
3.5.5			Móng néo.	Được bảo vệ chống xói	Đạt	

				lở.		
3.5.6		Móng cột.	Móng bê tông, trụ.	Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt	
3.5.7	Móng đà cản.		Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt		
3.5.8	Móng đất.		Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt		
3.5.9	Xà giá đỡ.	Xà đỡ, néo dây điện.	Được bảo vệ chống dỉ, không bị vụn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt		
3.5.10		Giá đỡ và kết cấu khác.	Được bảo vệ chống dỉ, không bị vụn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt		
<b>3.6</b>	<b>Vận hành</b>				<b>Đạt</b>	
3.6.1	Nhận dạng về quy trình vận hành.	Đường dây.	Son chỉ rõ tên và mạch trên các vị trí cột.	Có đánh số.	Đạt	
3.6.2		Các quy trình vận hành.	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành.	Có sổ theo dõi.	Đạt	
3.6.3			Quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố.	Có sổ theo dõi.	Đạt	
3.6.4		Trong mạch điện ba pha bốn dây.	thiết bị đóng cắt (áp-tô-mát, cầu dao, cầu chì) đặt trên dây pha.	Cắt thiết bị các dây không có điện.	Đạt	
3.6.5		Trong mạch điện một pha hai dây.	áp-tô-mát, cầu chì và công tắc đặt trên dây pha.	Cắt thiết bị hai dây không có điện.	Đạt	
<b>4</b>	<b>Dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện và công tơ điện</b>				<b>Đạt</b>	
<b>4.1</b>	<b>Dây sau công tơ</b>				<b>Đạt</b>	
4.1.1	Nhận dạng về	Loại dây dẫn về hộ	Tiết diện dây bọc cách điện hoặc cáp điện phải phù hợp với công suất sử dụng của các	Dây bọc cách điện, tiết	Đạt	

	chủng loại, thông tin số liệu dây dẫn sau công tơ.	gia đình.	hộ sử dụng điện.	diện tối thiểu 2,5mm <sup>2</sup>		
4.1.2		An toàn treo dây dẫn.	Khoảng cách từ công tơ về nhà dưới 20m.	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu.	Đạt	
4.1.3			Khoảng cách từ công tơ về nhà từ 20m trở lên.	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu, có cột đỡ trung gian.	Đạt	
4.1.4			Dây dẫn căng vượt đường ô tô.	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp, có dây văng đỡ dây, khoảng cách an toàn tới đất kiểm tra theo tiêu chuẩn đường dây hạ áp.	Đạt	
<b>4.2</b>	<b>Kết cấu sau công tơ điện và loại công tơ</b>				<b>đạt</b>	
4.2.1	Thông tin, số liệu nhận dạng.	Cột đỡ trung gian.	Loại cột.	Gỗ hoặc tre, cao $\geq$ 4,0m, đường kính $\geq$ 80mm.	Đạt	
4.2.2			Bảo vệ an toàn cho cột.	Được chôn dưới đất, không bị nghiêng, không ảnh hưởng đến việc giao thông đi lại.	Đạt	
4.2.3		Hợp đồng mua bán điện.	Các hộ dân ký hợp đồng mua bán điện theo giá quy định của Chính phủ.	100% các hộ dân được ký hợp đồng.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: <b>đạt/không đạt.</b>
4.2.4		Công tơ điện.	Chất lượng.	Có kiểm định còn thời hạn, được kẹp chì niêm phong.	Đạt	

4.2.5		Bảo vệ công tơ.	Hòm công tơ.	Công tơ được đặt trong hòm composit hoặc sơn tĩnh điện treo trên cột hoặc tường nhà.	Đạt	
<b>4.3</b>	<b>Điện trong nhà</b>				<b>Đạt</b>	
4.3.1	Thông tin, số liệu nhận dạng.	Bảng điện tổng.	Có cầu chì/aptomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường hoặc khung nhà.	100% các hộ dân	đạt	Trưởng thôn (bản, buôn) báo cáo đánh giá chung, cung cấp kết quả để đánh giá <b>đạt/không đạt</b> . Các hộ chưa đạt, nếu có cam kết cải tạo, nâng cấp trong vòng 6 tháng thì được đánh giá là đạt trong năm.
4.3.2		Dây điện	Có vỏ cách điện, dây điện được cố định trên tường hoặc khung nhà hoặc chôn trong tường.	100% các hộ dân	đạt	
<b>II</b>	<b>Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên (Tiêu chí 4.2)</b>				<b>Đạt</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực lưới điện kết nối từ các nguồn</b>					
1.1	Thông tin nhận dạng về sử dụng điện lưới quốc gia.	Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên.	Đối với các bản khu vực I, II và khu vực III thuộc các xã chưa được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. đến năm 2021 và giai đoạn 2021-2025	Khu vực I, II $\geq 95\%$ Khu vực III $\geq 85\%$	Đạt	
1.2			Đối với các bản, tiểu khu thuộc xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2021 và giai đoạn 2021-2025	100%	Đạt	(bảo đảm sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm bao gồm như: Bóng điện, ti vi, tủ lạnh, máy lọc nước, điều hòa,... được Bộ Công Thương đánh giá là 5 sao(INVERTER) theo Tiêu chuẩn Việt Nam
1.3			Đối với các bản thuộc xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới giai đoạn 2021-2025	$\geq 95\%$	Đạt	

1.4	Ngừng, giảm mức cung cấp điện.	Thông báo cho khách hàng biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện.	$\geq 05$ ngày	Đạt	
1.5		Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	Trong 3 ngày liên tiếp	Đạt	